

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS- ST

Ngày 29/4/2021

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2021, tại Phòng xét xử, trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2020/TLST-DS Ny 19/10/2020 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-DS Ny 05/4/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan H, bà Dương Thị N; Địa chỉ: Thôn B2, xã Bình T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Duy L, bà Trần Thị Q; Địa chỉ: Thôn 1A B, xã Bình T, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề Ngày 01/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phan H trình bày: Quan hệ giữa tôi với bà Dương Thị N là quan hệ vợ chồng, Ngày 16/7/2019 vợ chồng tôi cho vợ chồng ông Trần Duy L, bà Trần Thị Q vay số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận miệng với nhau, thời hạn vay 12 tháng (Hạn trả nợ Ny 16/7/2020). Khi vay hai bên lập hợp đồng vay tiền có bảo đảm, vợ chồng ông L, bà Q đã thế chấp cho vợ chồng tôi quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận QSD đất số BK 666928 do UBND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk cấp Ngày 25/7/2012 cập nhật thay đổi chủ sử dụng Ny 13/8/2017 cụ thể: Diện tích đất 702m², thửa đất số 589, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk và đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đại An.

Quá trình thực hiện đến nay vợ chồng ông L, bà Q không trả cho vợ chồng tôi được đồng nào, nay vợ chồng tôi khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà Q trả số tiền 798.000.000 đồng; trong đó tiền gốc 700.000.000 đồng, tiền lãi 98.000.000 đồng (Lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 16/7/2019 đến ngày 01/10/2020).

Nguyên đơn bà Dương Thị N trình bày: Tôi đồng ý với ý kiến của ông H đã trình bày. Trong bản tự khai ngày 05/11/2020 tôi có yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông L, bà Q để thu hồi nợ, nay vợ chồng tôi xin rút yêu cầu này.

Bị đơn vợ chồng ông Trần Duy L, bà Trần Thị Q vắng mặt nên Toà án không tiến hành lấy lời khai, kiểm tra giao nộp chứng cứ và hoà giải với ông L, bà Q được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông L, bà Q có nghĩa vụ trả cho ông H, bà N số tiền 798.000.000 đồng; trong đó tiền gốc 700.000.000 đồng, tiền lãi 98.000.000 đồng (Lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 16/7/2019 đến ngày 01/10/2020).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn ông Trần Duy L, bà Trần Thị Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Duy L, bà Trần Thị Q là phù hợp với khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: Vào ngày 16/7/2019 vợ chồng ông H, bà N cho vợ chồng ông Trần Duy L, bà Trần Thị Q vay số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận miệng với nhau, thời hạn vay 12 tháng (Hạn trả nợ ngày 16/7/2020). Khi vay hai bên lập hợp đồng vay tiền có bảo đảm, vợ chồng ông L, bà Q đã thế chấp cho vợ chồng ông H, bà N quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận QSD đất số BK 666928 do UBND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/7/2012 cập nhật thay đổi chủ sử dụng Ny 13/8/2017 cụ thể: Diện tích đất 702m², thửa đất số 589, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk và đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đại An.

Quá trình thực hiện đến nay vợ chồng ông L, bà Q không trả cho vợ chồng ông H, bà N được đồng nào, nay ông H, bà N yêu cầu vợ chồng ông L, bà Q trả số tiền 798.000.000 đồng; trong đó tiền gốc 700.000.000 đồng, tiền lãi 98.000.000 đồng (Lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 16/7/2019 đến ngày 01/10/2020) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với Điều 463, khoản 1 Điều 466; 468 của Bộ luật Dân sự.

Đối với việc vợ chồng ông L, bà Q đã thế chấp cho vợ chồng ông H, bà N quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền. với đất theo giấy chứng nhận QSD đất số BK 666928 do UBND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk cấp Ny 25/7/2012 cập nhật thay đổi chủ sử dụng ngày 13/8/2017 cụ thể: Diện tích đất 702m², thửa đất số 589, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại xã Bình Thuận, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk và đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đại An. Tuy nhiên hai bên không đăng ký giao dịch bảo đảm và tại phiên toà ông H, bà N không yêu cầu đối với tài sản thế chấp nên HĐXX không đặt ra giải quyết, tuy nhiên cần buộc ông H, bà N phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất số BK 666928 do UBND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/7/2012 cho ông L, bà Q.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Phan H, bà Dương Thị N, buộc ông Trần Duy L, bà Trần Thị Q phải trả cho ông Phan H, bà Dương Thị N số tiền 798.000.000 đồng; trong đó tiền gốc 700.000.000 đồng, tiền lãi 98.000.000 đồng (Lãi suất 1%/tháng, tính từ ngày 16/7/2019 đến ngày 01/10/2020).

Buộc ông H, bà N phải trả lại giấy chứng nhận QSD đất số BK 666928 do UBND thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/7/2012 cho ông Q, bà L.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Về án phí: Ông Trần Duy L, bà Trần Thị Q phải chịu 35.920.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Phan H, bà Dương Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.960.000đ (Mười bảy triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0015591 ngày 16/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 Ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Hường